

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ - ST

Ngày 08 - 4 - 2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung, chia tài sản chung khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Hà, bà Lò Thị Dậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa tham gia phiên tòa:
Ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại phòng xét xử TAND huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX - ST ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Sùng Thị M – Sinh năm 1999

Nơi ĐKKHKT: Thôn TN2, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Thôn ĐT, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Hạng A C - Sinh năm 1994

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn TN, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, các văn bản ghi ý kiến và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Sùng Thị M trình bày:

Về Hôn nhân: Chị Sùng Thị M và anh Hạng A C chung sống với nhau từ ngày 06/02/2012 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người không đăng ký kết hôn mà chỉ kết hôn theo phong tục của dân tộc. Trong quá trình chung sống giữa hai

người phát sinh nhiều mâu thuẫn do bị đơn thỉnh thoảng đánh đập và có hành vi ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn và không thể kéo dài. Do vậy chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hạng A C.

Về con chung: Có 02 con chung tên là: Hạng Thu Tr – SN 03/3/2013 và Hạng Kiên S - SN 01/11/2015. Tại đơn khởi kiện chị M có nguyện vọng được nuôi cháu Hạng Kiên S và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là 500.000đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; còn cháu Hạng Thu Tr muốn ở cùng với ai thì người đó nuôi, nếu cháu Tr ở với chị M thì anh C phải cấp dưỡng nuôi con là 500.000đồng/ tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và cũng như tại phiên tòa hôm nay: chị M trình bày: Muốn nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Hạng Kiên S và Hạng Thu Tr và không yêu cầu anh Hạng A C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị M trình bày: Trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng đã tạo dựng được những tài sản chung sau: 01 con trâu cái, lông màu đen khoảng 06 tuổi trị giá 25.000.000đồng; 01 con trâu đực lông màu đen khoảng 02 tuổi trị giá 20.000.000đồng; 01 ngôi nhà gỗ 03 gian diện tích 60m² lợp ngói Proximang dựng năm 2017 trị giá 20.000.000đồng và đề nghị Tòa án chia:

Cho chị M 01 con trâu đực lông màu đen khoảng 02 tuổi trị giá 20.000.000đồng; chia cho anh C 01 con trâu cái, lông màu đen khoảng 06 tuổi trị giá 25.000.000đồng; chia cho anh C 01 ngôi nhà gỗ 03 gian diện tích 60m² lợp ngói Proximang dựng năm 2017 trị giá 20.000.000đồng và anh C có trách nhiệm trả tiền chênh lệch nhà cho chị M là 10.000.000đồng.

Ngày 14/01/2021 chị Sùng Thị M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 30 tháng 12 năm 2020, cũng như tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh Hạng A C trình bày:

Về hôn nhân: anh Hạng A C và chị Sùng Thị M chung sống với nhau từ ngày 06/02/2012 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người không đăng ký kết hôn mà chỉ kết hôn theo phong tục của dân tộc. Trong quá trình chung sống với nhau giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như cãi vã, đến ngày 29/8/2020 chị Sùng Thị M tự ý bỏ nhà đi ở cùng với bố mẹ đẻ tại thôn ĐT, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên cho đến nay. Anh C trình bày vẫn còn tình cảm với chị M và cũng mong hai vợ chồng sống quay lại đoàn tụ với nhau, nên không đồng ý ly hôn với chị Sùng Thị M.

Về con chung: Có 02 con chung Hạng Thu Tr – SN 03/3/2013 và cháu Hạng Kiên S - SN 01/11/2015. Anh Hạng A C đề nghị được chăm sóc và nuôi dưỡng 02

con và đề nghị chị Sùng Thị M phải cấp dưỡng đối với 02 con, mỗi con là 500.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh C trình bày: Muốn nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Hạng Thu Tr và Hạng Kiên S và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình nguyện vọng của cháu Hạng Thu Tr, cháu Tr có nguyện vọng được ở với mẹ Sùng Thị M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 BLTTDS; Các Điều 14,15,53,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Về hôn nhân: đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị M và anh Hạng A C; Về con chung: Giao cháu Hạng Thu Tr – SN 03/3/2013 cho chị Sùng Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Hạng Kiên S – SN 01/11/2015 cho anh Hạng A C chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS đề nghị tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí miễn toàn bộ án phí DSST cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn là chị Sùng Thị M khởi kiện theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn anh Hạng A C hiện đang cư trú tại thôn TN2, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

2.1. Về hôn nhân:

Chị Sùng Thị M và anh Hạng A C chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 06/02/2012 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, hai người không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà chỉ kết hôn theo phong tục dân tộc. Quá trình chung sống, tuy có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*" và quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*". Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Mặt khác, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của chị M và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Sùng Thị M và anh Hạng A C là vợ chồng.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Tại Biên bản xác minh tại Thôn TN2, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên, trưởng thôn Từ Ngải 2 cho biết: Không biết lý do mâu thuẫn của hai vợ chồng, mà chỉ biết hiện tại chị Sùng Thị M đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn ĐT, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên sinh sống. Tại biên bản xác minh tại thôn ĐT, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên, trưởng thôn Đề Tàu cho biết: Hiện tại chị M đã về nhà bố mẹ đẻ của chị M và nói rằng không thể chung sống với anh C được nữa, nên không muốn quay về đoàn tụ cùng anh C, còn nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng thì không được biết.

Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn và qua các biên bản xác minh đều thể hiện: Chị M, anh C hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Tuy anh C trình bày rằng vẫn còn tình cảm với chị M, mong muốn quay về đoàn tụ, nhưng lại không có biện pháp nào khắc phục, cải thiện những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, qua đó có thể thấy cuộc sống chung của chị M, anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M không còn tình cảm với anh C, không ai quan tâm tới ai. Căn cứ tình trạng hôn nhân, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ theo khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố nguyên đơn và bị đơn không phải là vợ chồng.

2.2. Về con chung:

Chị Sùng Thị M và anh Hạng A C có 02 con chung chưa thành niên là cháu Hạng Thu Tr – SN 03/3/2013 và Hạng Kiên S - SN 01/11/2015.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Con chung rất cần sự chăm sóc của bố mẹ; xét về điều kiện thực tế cũng như khả năng kinh tế của hai bên và qua các biên bản xác minh tại Thôn ĐT, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên và thôn TN2, xã MB, huyện

TC, tỉnh Điện Biên đều thể hiện chị M, anh C không có nghề nghiệp ổn định, chủ yếu làm nông nghiệp để sinh sống, không có nguồn thu nhập nào khác. Do vậy để tạo điều kiện cho con chung phát triển toàn diện về thể chất tinh thần nên cần giao cho mỗi bên đương sự nuôi một con chung là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, bên cạnh đó cháu Tr có nguyện vọng xin ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của hai cháu nên cần giao cháu Hạng Thu Tr, sinh ngày SN 03/3/2013 cho chị Sùng Thị M và cháu Hạng Kiên S - SN 01/11/2015 cho anh Hạng A C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên về vấn đề cấp dưỡng không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung:

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện giải quyết về tài sản, bị đơn cũng nhất trí và không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung:

Chị Sùng Thị M và anh Hạng A C không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị M và anh Hạng A C.

2. *Về con chung:*

Giao cháu Hạng Thu Tr, sinh ngày 03/3/2013 cho chị Sùng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Hạng Kiên S, sinh ngày 01/11/2015 cho anh Hạng A C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Chị Sùng Thị M và anh Hạng A C có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Chấp nhận đề nghị rút phần phân chia tài sản khi ly hôn của chị Sùng Thị M: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu giải quyết chia tài sản khi ly hôn của chị Sùng Thị M.

4. *Về nợ chung:* Không có.

5. *Về án phí:* Nguyên đơn, bị đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân có giá ngạch.

6. *Kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 08/4/2021).

Nơi nhận:

- VKSND huyện TC;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện Tủa Chùa;
- UBND xã MB;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thanh Tuấn

